

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS - PT

Ngày: 17 - 02 - 2020

V/v tranh chấp
hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số nhà 59/2, ấp 2, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Kiều T, sinh năm 1974;

2. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Số nhà 231/1, ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số nhà 112/1, ấp 1, xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

2. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Số nhà 59/2, ấp 2, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L – Nguyên đơn.

(Bà L, bà T, bà T1 và bà L1 có mặt; ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Vào ngày 30/01/2017(al), bà có tham gia một phần hội do bà T làm chủ hội, hội 1.000.000 đồng/tháng, hội có 25 phần, bà đã đóng hội đến tháng 8/2018(al) được 20 kỳ hội với số tiền 13.270.000 đồng, đến kỳ thứ 21 thì bà T bẻ hội nên bà không đóng nữa.

Khi tham gia hội, bà T có đưa cho bà danh sách các hội viên nhưng bà không biết những người này và có một số người không có tham gia hội như bà T ghi trong danh sách, mỗi tháng bà T có gọi điện nói số tiền hội viên bỏ hội và số tiền đóng hội. Việc đóng hội cho bà T không có giấy tờ gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V chồng bà T là ông H đã thống nhất sẽ thanh toán cho bà số tiền hội là 20.000.000 đồng chậm nhất đến ngày 04/3/2019 nhưng cho đến nay ông H và bà T vẫn không trả số tiền hội này cho bà.

Nay bà yêu cầu bà T và ông H phải trả lại cho bà số tiền hội đã đóng là 13.270.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn:

- *Bà Võ Thị Kiều T trình bày:*

Bà không đồng ý lời trình bày của bà L. Bà thừa nhận vào tháng 01 năm 2017(al), bà L có tham gia một phần hội do bà làm chủ hội, hội 1.000.000 đồng/tháng, hội có 25 phần, bà L đóng được 06 kỳ hội với số tiền 4.195.000 đồng. Từ tháng 7/2017, bẻ hội nên bà L không tiếp tục đóng hội nữa.

Bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền hội là 4.195.000 đồng nhưng hiện nay bà đang rất khó khăn nên hẹn đến tháng 4/2020 bà sẽ trả hết số tiền này.

- *Ông Nguyễn Kim H trình bày:* Ông H cho rằng không có tham gia hội, việc tranh chấp hội chỉ có bà L và bà T giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H về việc tranh chấp hội.

Buộc bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 4.195.000 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H với số tiền hui 9.075.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/11/2019, nguyên đơn bà Trần Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng buộc bà T và ông H trả cho bà số tiền 13.270.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Các đương sự thống nhất hui có 25 phần, hui 1.000.000 đồng/tháng, bà T là chủ hui. Bà L cho rằng bà đã đóng hui được 20 kỳ; bà T cho rằng bà L đóng hui 06 kỳ. Bà T là chủ hui nhưng không cung cấp sổ hui, các hui viên xác định bà L có đóng hui 20 kỳ, chồng bà T thống nhất trả cho bà L 22.000.000 đồng. Do đó, kháng cáo của bà L là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án cấp phúc thẩm nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự trình bày thống nhất, bà L có tham gia hui do bà T làm chủ hui, hui 1.000.000 đồng/tháng, hui có 25 thành viên tham gia 25 phần, mở ngày 30/01/2017(al), nhưng không thống nhất số tiền hui đã góp. Bà L xác định số tiền bà đã góp hui sống cho bà T được 20 kỳ là 13.270.000 đồng; bà T xác định bà L chỉ góp được 06 kỳ là 4.195.000 đồng nên chỉ đồng ý trả lại cho bà L 4.195.000 đồng.

[3] Thấy rằng, bà L có tham gia hui do bà T làm chủ hui. Khi tham gia hui, hai bên không có giấy tờ gì. Việc góp hui mỗi tháng, bà L và bà T tự viết sổ theo dõi, không có ký nhận giữa chủ hui và các hui viên. Nhưng bà T là chủ hui, phải có nghĩa vụ lập và giữ sổ hui và các giấy tờ liên quan đến hui, thu phần hui của các thành viên, giao các phần hui cho thành viên được lĩnh hui, cho các thành viên xem sổ hui và cung cấp các thông tin liên quan đến hui khi có yêu

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền góp hội 13.270.000 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H phải liên đới chịu 663.500 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Bà Trần Thị L không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

